

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 259/2025/DS-ST
Ngày 17-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Huy Hoàng.

Bà Nguyễn Thị Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 907/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 143/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A.

Trụ sở: Đường P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Phạm Thành N; địa chỉ: Đường S, phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2024) (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc L (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 28/5/2024 và lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N thì:

Ngày 13/6/2022, bà Trần Thị Ngọc L đã ký với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 với khoản vay trị giá là 31.980.000đ, lãi suất: 44%/năm tương đương 3.67%/tháng. Sau khi Hợp đồng được ký kết, ngày 14/6/2022, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đã giải ngân cho bà L số tiền vay nêu trên bằng hình thức chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà L thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và thanh toán phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại Hợp đồng. Theo Hợp đồng tín dụng, bà L có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 1.616.233đ trong kỳ hạn 35 tháng kể từ ngày 25/6/2022 đến ngày 25/4/2025. Nhưng kể từ ngày được giải ngân đến nay, bà L chỉ thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A 17 (mười bảy) kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 27.679.961đ, từ ngày 27/10/2023 đến nay, bà L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đã liên hệ nhắc nợ nhiều lần qua điện thoại và gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà L nhưng bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Do đó, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A tổng số nợ còn thiếu của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 tạm tính đến ngày 17/4/2025 là 37.416.615đ, bao gồm: Nợ gốc là 20.518.828đ, nợ lãi trong hạn là 7.614.412đ, lãi quá hạn là 8.586.418đ, lãi chậm trả (tính trên số lãi trong hạn chưa thanh toán) là 696.957đ và tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh kể từ ngày 18/4/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng.

Bị đơn – bà Trần Thị Ngọc L đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Theo kết quả xác minh ngày 27/11/2024 của Công an xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Trần Thị Ngọc L có hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt Ông.

Bị đơn – bà Trần Thị Ngọc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A. Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Ngọc L trả số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022. Căn cứ kết quả xác minh ngày 27/11/2024 của Công an xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà L cư trú tại địa chỉ ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là “tranh chấp hợp đồng tín dụng” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn – bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Căn cứ vào Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 có chữ ký xác nhận của bà Nguyễn Thị Kim Phụng và đại diện Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A; Phiếu báo nợ số giao dịch: FT22165863026387, số tham chiếu: 198890940329012.030001 ngày giao dịch: 14/6/2022; Giấy chứng nhận bảo hiểm và trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Phạm Thành N thì Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A đã chuyển tiền cho bà L số tiền 30.000.000đ, với nội dung “Mirae Asset chuyển tiền GN Tran Thi Ngoc Loan HD 3258543” và nộp phí bảo hiểm 1.980.000đ thay bà L theo đúng thỏa thuận về “giải ngân số tiền

vay” tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 nên có cơ sở xác định bà L có vay tiền của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền 31.980.000đ, lãi suất 44%/năm (3.67%/tháng), thời hạn vay từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 25/4/2025. Nội dung Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 thể hiện việc giao kết hợp đồng giữa Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A và bà L là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đã phát sinh hiệu lực theo Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3. 2] Căn cứ Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng ngày 27/3/2024 và trình bày của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A thì trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà L đã thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A 17 kỳ (từ ngày 20/6/2022 đến ngày 26/10/2023) với tổng số tiền là 27.679.961đ. Từ ngày 27/10/2023 đến nay bà L không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A. Tính đến ngày 17/4/2025 bà L còn nợ Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền là 37.416.615đ, trong đó nợ gốc là 20.518.828đ, lãi trong hạn là 7.614.412đ, lãi quá hạn là 8.586.418đ, lãi chậm trả là 696.957đ. Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A yêu cầu bà L thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 18/4/2025 cho đến khi bà L thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 và quy định tại Điều 280; khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017; Điều 23; Điều 25 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Theo kết quả xác minh ngày 27/11/2024 của Công an xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà L có hộ khẩu thường trú và đang thực tế cư trú tại địa chỉ ấp D, xã E, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A về việc buộc bà L trả toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 nhưng bà L không có ý kiến phản đối yêu cầu của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh.

[4] Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A, buộc bà L có trách nhiệm thanh toán số

tiền còn nợ phát sinh theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 tính đến ngày 17/4/2025 là 37.416.615đ, trong đó nợ gốc là 20.518.828đ, lãi trong hạn là 7.614.412đ, lãi quá hạn là 8.586.418đ, lãi chậm trả là 696.957đ và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/4/2025 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A nên bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.870.831đ; Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 và Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2017;

- Căn cứ vào Điều 117; Điều 280; Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024, 2025,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A.

Buộc bà Trần Thị Ngọc L có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A tổng số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3258543 ngày 13/6/2022 tính đến ngày 17/4/2025 là 37.416.615đ (ba mươi bảy triệu bốn trăm mười sáu nghìn sáu trăm mười lăm

đồng), trong đó nợ gốc là 20.518.828đ (hai mươi triệu năm trăm mười tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng), lãi trong hạn là 7.614.412đ (bảy triệu sáu trăm mười bốn nghìn bốn trăm mười hai đồng), lãi quá hạn là 8.586.418đ (tám triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm mười tám đồng) và lãi chậm trả là 696.957đ (sáu trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm năm mươi bảy đồng).

Kể từ ngày 18/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Ngọc L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Ngọc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.870.831đ (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn tám trăm ba mươi một đồng).

Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 612.728đ (sáu trăm mười hai nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0051118 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024, 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024, 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều các năm 2014, 2018, 2020, 2022, 2024, 2025.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm. Thời hạn kháng cáo là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



2 000014 687202

Lê Nguyễn Thanh Thùy